TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HS-ST

Ngày: 25-9-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chính – Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thị xã Cai Lậy;

2. Bà Phạm Thị Phượng – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: *ông Nguyễn Trân Quốc Vương* - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/TLST- HS ngày 26 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 8 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. NGUYỄNTHỊ BÉ T;

Sinh ngày: 10 - 3- 1997. Nơi sinh: thành phố Cần Thơ; Đăng ký hộ khẩu thường trú: khu vực L 1, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ; Tạm trú: ấp A, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: biết đọc, biết viết; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn Th(đã chết) và bà Nguyễn Thị L; Chồng: Hà Văn D; Bị cáo có 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014); Tiền sự: không; Tiền án: ngày 14/9/2015 Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2015/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/11/2016; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (trong vụ án hiện do Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều thụ lý), bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN THỊ CHÚC L;

Sinh năm 1994. Nơi sinh: thành phố Cần Thơ; Đăng ký hộ khẩu thường trú: khu vực L 1, phường Tr, quận N, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa:lớp 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn Th(đã chết) và bà Nguyễn Thị L; Chồng: Nguyễn Văn E; Bị cáo có 02 con (lớn sinh sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017); Tiền sự: không; Tiền án: không; Bị cáo

được tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Trần Lê Thúy H, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: ấp Xuân Điền, xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 03/01/2018, Nguyễn Thị Bé T rủ Nguyễn Thị Chúc L đi đến địa bàn thị xã Cai Lậy để tìm tài sản lấy trộm, L đồng ý. T và L Tê một người lái xe hon da không rõ họ, tên, địa chỉ chở cả hai đến khu vực cầu Cai Lậy thì dừng lại, T đưa cho người lái xe hon da một điện thoại di động bàn phím làm tin và kêu người này đứng đợi tại đây. T và L đi bộ vào chợ Cai Lậy, khi đi ngang tiệm vàng Phan Ngọc địa chỉ số 78, Đoàn thị Nghiệp, khu phố 2, phường 1, thị xã Cai Lậy thì cả hai đi vào bên trong tiệm vàng. Tại đây T tìm mua nhẫn vàng cho con, L quan sát phát hiện chị Trần Lê Thúy H đang đứng trước quầy trưng bày mua hàng thấy trong túi áo khoác của chị H có 01 bịch nylon màu đen, L nghĩ bên trong có tiền nên nói với T "Trong túi người này có tiền" và kêu T lại đứng gần chị H nhằm gây chú ý để L lợi dụng sơ hở lấy tiền trong túi của chị H, T đồng ý. Lợi dụng lúc chị H sơ hở L luồng tay vào túi áo khoác của chị H lấy được bịch nilon rồi nhanh chóng đi ra khỏi tiệm vàng, đi được một đoạn thì L kiểm tra bên trong bịch nylon có 02 chiếc nhẫn vàng và số tiền 3.200.000 đồng. Sau khi L lấy được tài sản của chị H, T quyết định mua 01 chiếc nhẫn vàng cho con của T rồi rời khỏi tiệm vàng để gặp lại L và L đưa hết số tài sản lấy được cho T giữ rồi cả hai lên xe hon da đi đến tiệm vàng Kim Loan Phượng tại khu 1A, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Tại đây T bán 01 chiếc nhẫn trọng lượng 05 chỉ vàng 24K với giá 14.500.000 đồng, T đưa tiền bán vàng cho L và được L chia lại 2.000.000 đồng. Đến ngày 08/01/2018, T tiếp tục bán 01 chiếc nhẫn còn lại đang giữ có trọng lượng 05 chỉ vàng 24K với giá 14.500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết cùng số tiền 3.200.000 đồng. Túi nylon và ví da L đã vứt bỏ không T hồi được.

Tại Bản định giá tài sản số 21/2018/HĐĐG ngày 16/01/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Cai Lậy kết luận trị giá 10 chỉ vàng 24K là 35.800.000 đồng, 01 ví da màu xám đen trị giá 17.500 đồng.

Tại Cáo trạng số 35/CT-VKSTXCL ngày 25/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy truy tố Nguyễn Thị Bé T và Nguyễn Thị Chúc L ra trước Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy để xét xử về tội : "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Cai Lậy giữ y nội dung Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Bé T và Nguyễn Thị Chúc L phạm tội: "Trộm cắp tài sản"; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị

Chúc L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; Tịch T và tiêu hủy vật chứng gồm: 01 cái áo khoác màu đen có dây kéo, 01 bộ quần áo màu hồng.

- Bị cáo Nguyễn Thị Bé T khai nhận vào ngày 03/01/2018 đã rũ bị cáo Nguyễn Thị Chúc L đến thị xã Cai Lậy để tìm tài sản trộm cắp, tại tiệm vàng Phan Ngọc bị cáo đã có hành vi che chắn gây sự chú ý nhằm tạo sơ sở của chị H cho bị cáo L thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo đồng ý bồi thường cho chị H số tiền 39.000.000 đồng và không tham gia tranh luận

Lời nói sau cùng của các bị cáo: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Thị Chúc L đã khai nhận sau khi được bị cáo T rũ đi tìm tài sản trộm cắp thì đồng ý. Tại tiệm vàng Phan Ngọc, bị cáo là người quan sát thấy trong túi áo của chị H có túi ni long nghi là có chứa đựng tiền bên trong nên kêu bị cáo T tìm cách che chắn giúp cho bị cáo lén lút lấy được tài sản của chị H.

Bị cáo đồng ý bồi thường cho chị H số tiền 39.000.000 đồng và không tham gia tranh luận

Lời nói sau cùng của các bị cáo: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Chị Trần Lê Thúy H vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định tội danh:

Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời trình bày của người bị hại và tài liệu, các chứng cứ khác lưu giữ trong hồ sơ.

Thấy rằng: các bị cáo Nguyễn Thị Bé T và Nguyễn Thị Chúc L có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, do bản chất tham lam, muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên cùng nhau tìm cách lén lút chiếm đoạt tài sản của chị H với tổng trị giá là 39.017.500 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự địa phương. Bản thân các bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi nêu trên của các bị cáo đủ các yếu tố cấu

thành tội: "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Bé T có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi tương tự nên lần phạm tội này Tộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 điều 51 của Bô luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo cũng đã khai nhận: Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị H cùng với bị cáo L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã triệu tập bị cáo làm việc thì sau đó bị cáo tiếp tục cùng đồng bọn khác thực hiện hành vi lén lút lấy trộm số tiền 14.600.000 đồng của một người phụ nữ tại địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và bị bắt quả tang, đã bị xét xử vào ngày 06/9/2018 nên cần xác định bị cáo là phần tử khó giáo dục, không có ý thức chấp hành pháp luật

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiện hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ hay phân công vai trò cụ thể nên Tộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Xem xét vai trò của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Thị Bé T là người rủ rê, lôi kéo bị cáo Nguyễn Thị Chúc L đi tìm tài sản để lấy cắp đồng thời giúp sức cho bị cáo L để L lợi dụng sơ hở của chị H thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên bị cáo phải chịu hình phạt chính, tương xứng với vai trò chủ mưu.

Bị cáo Nguyễn Thị Chúc L là chị ruột lẽ ra khi nghe em mình là bị cáo T rủ đi tìm tài sản trộm cắp phải khuyên can nhưng lại đồng ý ngay và là người tích cực quan sát, tìm kiếm tài sản và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị H nên bị cáo cũng phải chịu hình phạt tương xứng sau với bị cáo T.

[6] Qua xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả của hành vi, vai trò của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giúp các bị cáo cải tạo bản thân thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật; nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Chị Trần Thị Thúy H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra chị H có đơn yêu cầu các bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số tiền 39.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo T tự nguyện bồi thường cho chị H số tiền 19.500.000 đồng, bị cáo L tự nguyện bồi thường cho chị H số tiền 19.500.000 đồng .

Hội đồng xét xử xét thấy tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt của chị H đã được xác định là 39.017.500 đồng. Chị H chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 39.000.0000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự nên

cần buộc mỗi bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại tài sản cho chị H số tiền là 19.500.000 đồng.

[8] Vật chứng vụ án trong vụ án gồm: 01 cái áo khoác màu đen có dây kéo, 01 bộ quần áo màu hồng là tài sản của các bị cáo, tại phiên tòa các bị cáo không yêu cầu nhận lại, tài sản trên không còn giá trị sử dụng nên tịch T và tiêu hủy là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy đã phân tích chứng cứ xác định các bị cáo Nguyễn Nguyễn Thị Bé T và Nguyễn Thị Chúc L phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt áp dụng đối với từng bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi các bị cáo thực hiện; đề nghị xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 48, điểm s khoản 1 Điều 51, điển h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điểm a khoản 1 điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Bé T và Nguyễn Thị Chúc L phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Chúc L 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án.

2/- Trách nhiệm bồi thường:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bé T phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Trần Lê Thúy H số tiền 19.500.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Chúc L phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Trần Lê Thúy H số tiền 19.500.000 đồng.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu các bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

3/- Xử lý vật chứng:

- Tịch T và tiêu hủy vật chứng T giữ hiện đang do Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/8/2018, gồm: 01 cái áo khoác màu đen có dây kéo, 01 bộ quần áo màu hồng.

4/- Án phí:

Bị cáo Nguyễn Thị Bé T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 975.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị Bé T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 975.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5/- Quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Chị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy;
- Sở tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- TAND quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ;
- Những người tham gia tố tụng: bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.
- Lưu: VT, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT